

Số: 24 /2018/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 354/TTr-STP ngày 23/02/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Bổ sung khoản 8 vào Điều 3 như sau:

“8. Phối hợp tham mưu đối với các vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh”.

2. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Tiêu đề của Điều 4 được viết lại như sau:

“Điều 4. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

b) Khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị từ các Sở, ban, ngành, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và trên các phương tiện thông tin của địa phương; trực tiếp làm việc với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, kiến nghị Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan xử lý theo thẩm quyền.

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.”

3. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Các Sở, ban, ngành, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý cho cán bộ, công chức, viên chức hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành đó, chú trọng đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp làm công tác xử lý vi phạm hành chính ở cấp huyện và cấp xã”.

4. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính

Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp các Sở, ban, ngành, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện việc báo cáo, thống kê về xử lý vi phạm hành chính theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành Trung ương, tạo cơ sở để đánh giá tình hình, dự báo xu hướng vi phạm pháp luật hành chính trong phạm vi địa phương; kịp thời đề xuất giải pháp khắc phục, hoàn thiện chính sách, pháp luật, phục vụ công tác báo cáo thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính. Thông tin thống kê về xử lý vi phạm hành chính được thu thập theo quy định pháp luật về thống kê.”

5. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tiến hành định kỳ 06 tháng và hàng năm. Thời điểm lấy số liệu báo cáo 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm; đối với báo cáo năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình, gửi về Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 7

đối với báo cáo 06 tháng; trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo hàng năm, đề Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh, gửi Bộ Tư pháp trước ngày 20 tháng 7 đối với báo cáo 06 tháng; trước ngày 20 tháng 01 năm tiếp theo đối với báo cáo hàng năm”.

6. Bổ sung mới Điều 11 như sau:

“Điều 11. Phối hợp tham mưu đối với các vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trước khi tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (hoặc các hình thức xử lý vi phạm hành chính khác), các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương cung cấp đầy đủ hồ sơ, chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh để thống nhất tham mưu theo quy định.

2. Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm hành chính đảm bảo theo quy định”.

7. Bổ sung Điều 12 như sau:

“ Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tư pháp:

a) Cơ quan đầu mối trực tiếp tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện Quy chế này.

b) Hàng năm, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp liên ngành trong công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

c) Hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ban, ngành của tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo quy định. Định kỳ 06 tháng, hàng năm và đột xuất tổng hợp, báo cáo về công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

d) Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về cơ sở dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp với Sở Nội vụ và Sở Tài chính đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí nguồn nhân lực, ngân sách để triển khai thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

e) Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những cơ quan, đơn vị, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Sở Nội vụ:

Phối hợp với Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp nhân sự để triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và bố trí công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã theo nội dung Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương”.

3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí ngân sách, bảo đảm kinh phí cho công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

4. Các Sở, ban, ngành của tỉnh và các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh:

a) Chủ động thực hiện nhiệm vụ về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại cơ quan, đơn vị.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật và Quy chế này.

5. Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh:

Kịp thời đưa tin, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật bằng các hình thức phù hợp, nhằm giúp các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Hàng năm xây dựng kế hoạch công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức triển khai tại địa phương.

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành

pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật và kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chỉ đạo bố trí nguồn nhân lực, ngân sách để triển khai thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương”.

8. Chuyển Điều 11 của Quy chế thành Điều 13 như sau:

“Điều 13. Tổ chức thực hiện

Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung Quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết”.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tư pháp chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra thực hiện Quyết định này.

2. Những nội dung không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 21/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 4 năm 2018.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ TP);
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL (Bộ TP);
- Cục Công tác phía Nam (BTP);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TT.HĐND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, TT TH-CB;
- Lưu: VT, NC, ĐDM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh